

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 5 năm 2024

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

\* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Anh Dương

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Ngọc Biên.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy Khôi.

\* Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

\* Đại diện VKSND huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng S-  
Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1999 (Có mặt)

Cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Ong Thế D, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Cư trú: Số nhà E, tổ dân phố E, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện ngày 15/2/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lưu Thị T trình bày:

Chị và anh Ong Thế D kết hôn ngày 08/7/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh D về chung sống với nhau tại gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 08/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, nợ nần, bỏ bê không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 02/2024 đến nay. Nay chị xác

định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết cho chị được ly hôn anh **Ong Thế D**.

Về con chung: Chị và anh **D** có 01 con chung là **Ong Thế Hải Đ**, sinh ngày 12/1/2021. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị **T** có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh **D**, ý kiến về con chung.

\* Anh **Ong Thế D** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **D** không có mặt để làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh **D** là bị đơn. Tại phiên tòa, anh **Ong Thế D** vắng mặt.

\* Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2024, ông **Ong Khắc H** – Tổ trưởng **tổ dân phố E**, thị trấn **N** cho biết: Chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** là công dân hiện cư trú tại: **Tổ dân phố E, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Chị **T** và anh **Ong Thế D** kết hôn năm 2020 Sau khi kết hôn thì chị **T**, anh **D** chung sống và cư trú tại **Tổ dân phố E, thị trấn N**. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc chị **T**, anh **D** phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Hiện nay chị **T**, anh **D** sống ly thân.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị **T**, anh **D** đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có văn bản giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX thu thập bổ sung tài liệu về xác minh về: việc anh **Ong Thế Duy** hiện nay có mặt hay vắng mặt ở địa phương; Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Ong Thế D** qua dịch vụ Bưu chính, nhưng không có văn bản xác nhận của người đã nhận các văn bản tố tụng của Bưu điện chuyển lại cho Tòa án. Đề nghị tạm ngừng phiên tòa và không phát biểu quan điểm đối với vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh **Ong Thế D** nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 08/2024/QĐ-CCTLCC ngày 28/2/2024 về việc yêu

cầu anh **D** cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh **O Thế D** nhưng anh **Ong Thế D** không có mặt để làm việc với Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát với lý do:

- Xác minh về việc anh **Ong Thế D** hiện nay có mặt hay vắng mặt ở địa phương, HĐXX xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2024, ông **Ong Khắc H** – Tổ trưởng tổ dân phố **E**, thị trấn **N** cho biết: Chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** là công dân hiện cư trú tại: **Tổ dân phố E, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** và phù hợp Xác nhận thông tin cư trú của **Công an thị trấn N** (BL 07). Tại phiên tòa, chị **T** cũng xác định anh **Ong Thế D** là công dân hiện đang cư trú và có mặt tại nhà: **Tổ dân phố E, thị trấn N**. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh **D** đến làm việc và đến phiên tòa nhưng anh **D** không đến làm việc và đến phiên tòa là quyền của anh **D**. HĐXX căn cứ tài liệu, chứng cứ khác để giải quyết theo quy định.

- Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Ong Thế D** qua dịch vụ Bưu chính, nhưng không có văn bản xác nhận của người đã nhận các văn bản tố tụng của Bưu điện chuyển lại cho Tòa án, HĐXX xét thấy:

Tất cả các văn bản tố tụng trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt cho anh **D** qua đường Bưu điện gửi Bảo đảm theo quy định. Qua định vị, Biên bản xác minh ngày 11/4/2024 tại **Bưu điện Y** thì thấy các văn bản tố tụng trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt cho anh **D** hợp lệ qua đường gửi Bảo đảm và lưu cuống gửi bảo đảm có trong hồ sơ như xác nhận của Bưu tá và **Bưu điện huyện Y**. Tòa án đã ký kết hợp đồng gửi bảo đảm và **Bưu điện huyện Y** phải chịu trách nhiệm pháp lý chuyển phát theo hợp đồng và theo quy định của Luật Bưu chính. Mặt khác, để phục vụ quan điểm, đường lối đề nghị khi xét xử thì VKS cũng có thể tự mình đi xác minh để làm căn cứ giải quyết vụ án được khách quan.

Toàn bộ các lý do trên không phải là chứng cứ duy nhất để HĐXX giải quyết vụ án và không thuộc trường hợp nếu thiếu chứng cứ này không giải quyết được vụ án theo Điều 259 BLTTDS và không thuộc căn cứ khác của Điều 259 BLTTDS. Nên không chấp nhận các lý do này để tạm ngừng phiên tòa. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đến đâu thì đại diện VKS có quyền phát biểu quan điểm đề nghị về nội dung vụ án là chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của đương sự. Việc không phát biểu quan điểm đề nghị giải quyết vụ án về nội dung là không đảm bảo quy định về luật nội dung HNGĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh **D** ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Chị **T** thấy không thể duy trì hôn nhân với anh

**D** được, là quyền của chị **T** xin ly hôn. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị **T**, anh **D** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị **Lưu Thị T** được ly hôn anh **Ong Thế D** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** có 01 con chung là **Ong Thế Hải Đ**, sinh ngày 12/1/2021. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị **T** có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Hiện tại cháu **Ong T1 Hải Đăng** mới trên 36 tháng tuổi. Mặt khác, anh **Ong Thế D** không có văn bản nêu ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Đ**, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị **T** nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu **Ong Thế Hải Đ**, sinh ngày 12/1/2021 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu **Đ** và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh **Ong Thế D** không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **Ong Thế D** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lưu Thị T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lưu Thị T** được ly hôn anh **Ong Thế D**.  
2. Về con chung: Giao cho chị **Lưu Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Ong Thế Hải Đ**, sinh ngày 12/1/2021.

Anh **Ong Thế D** không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **Ong Thế D** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị **Lưu Thị T** và anh **Ong Thế D** không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Lưu Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005555 ngày 22/2/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chị **Lưu Thị T** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang,
- VKSND huyện Yên Dũng,
- Chi cục THADS Yên Dũng,
- UBND xã Đại Hóa,
- Các đương sự,
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**